

Phụ lục 1

BIỂU THỰC TRẠNG THÔN, BẢN, TỔ DÂN PHỐ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2026 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị hành chính cấp xã	Tổng số thôn, bản, tổ dân phố	Số lượng thôn, bản		Tổ dân phố		Ghi chú
			Dưới 150 hộ gia đình	Từ 150 hộ trở lên	Dưới 300 hộ gia đình	Từ 300 hộ trở lên	
1	Xã Than Uyên	41	21	20			
2	Xã Mường Than	24	19	5			
3	Xã Mường Kim	43	37	6			
4	Xã Khoen On	23	22	1			
5	Xã Tân Uyên	44	23	21			
6	Xã Mường Khoa	15	2	13			
7	Xã Pắc Ta	15	7	8			
8	Xã Nậm Sỏ	19	16	3			
9	Xã Bình Lư	35	25	10			
10	Xã Tả Lèng	26	25	1			
11	Xã Bản Bo	21	19	2			
12	Xã Khun Há	22	21	1			
13	Xã Phong Thổ	48	38	7	1	2	
14	Xã Khổng Lào	32	27	5			
15	Xã Sin Suối Hồ	35	30	5			
16	Xã Đào Sơn	28	25	3			
17	Xã Sì Lở Lầu	27	23	4			
18	Xã Sìn Hồ	27	20	7			
19	Xã Tủa Sín Chải	31	26	5			
20	Xã Pa Tần	26	24	2			
21	Xã Hồng Thu	27	24	3			
22	Xã Nậm Tăm	26	21	5			
23	Xã Pu Sam Cáp	19	16	3			
24	Xã Nậm Mạ	11	8	3			
25	Xã Nậm Cuối	24	23	1			
26	Xã Nậm Hàng	18	14	4			
27	Xã Lê Lợi	24	23	1			
28	Xã Mường Mô	15	13	2			
29	Xã Hua Bum	12	10	2			
30	Xã Bum Tở	21	13	8			
31	Xã Bum Nưa	19	17	2			
32	Xã Mường Tè	11	6	5			
33	Xã Mù Cả	8	8	0			
34	Xã Thu Lũm	17	16	1			
35	Xã Pa Ủ	17	16	1			
36	Xã Tả Tổng	11	7	4			
37	P Đoàn Kết	48			47	1	
38	P Tân Phong	46			39	7	
	TỔNG	956	685	174	87	10	0

Phụ lục 2

BIỂU SỐ LƯỢNG THÔN, BẢN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN SẮP XẾP

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2026 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị hành chính cấp xã	Số thôn, bản, tổ dân phố hiện có	Trong đó:				Số thôn, bản, tổ dân phố sau sắp xếp
			Số thôn, bản, tổ dân phố giữ nguyên	Số thực hiện sắp xếp	Số lượng sau sắp xếp	Số lượng giảm	
1	Xã Than Uyên	41	3	38	16	22	19
2	Xã Mường Than	24	13	11	5	6	18
3	Xã Mường Kim	43	6	37	15	22	21
4	Xã Khoen On	23	6	17	8	9	14
5	Xã Tân Uyên	44	22	22	10	12	32
6	Xã Mường Khoa	15	12	3	2	1	14
7	Xã Pắc Ta	15	11	4	2	2	13
8	Xã Nậm Sỏ	19	4	15	7	8	11
9	Xã Bình Lư	35	10	25	12	13	22
10	Xã Tả Lèng	26	1	25	12	13	13
11	Xã Bản Bo	21	11	10	4	6	15
12	Xã Khun Há	22	5	17	7	10	12
13	Xã Phong Thổ	48	16	32	14	18	30
14	Xã Không Lào	32	15	17	7	10	22
15	Xã Sin Suối Hồ	35	4	31	14	17	18
16	Xã Đào San	28	5	23	10	13	15
17	Xã Si Lở Lầu	27	5	22	11	11	16
18	Xã Sin Hồ	27	6	21	9	12	15
19	Xã Tủa Sín Chải	31	5	26	13	13	18
20	Xã Pa Tần	26	1	25	10	15	11
21	Xã Hồng Thu	27	9	18	9	9	18
22	Xã Nậm Tăm	26	5	21	9	12	14
23	Xã Pu Sam Cáp	19	3	16	8	8	11
24	Xã Nậm Mạ	11	5	6	3	3	8
25	Xã Nậm Cuối	24	8	16	8	8	16
26	Xã Nậm Hàng	18	14	4	2	2	16
27	Xã Lê Lợi	24	9	15	7	8	16
28	Xã Mường Mô	15	15	0	0	0	15
29	Xã Hua Bum	12	12	0	0	0	12
30	Xã Bum Tở	21	17	4	2	2	19
31	Xã Bum Nưa	19	3	16	8	8	11
32	Xã Mường Tè	11	7	4	2	2	9
33	Xã Mù Cả	8	8	0	0	0	8
34	Xã Thu Lũm	17	15	2	1	1	16
35	Xã Pa Ủ	17	7	10	5	5	12
36	Xã Tả Tổng	11	11	0	0	0	11
37	Phường Đoàn Kết	48	8	40	14	26	22
38	Phường Tân Phong	46	12	34	17	17	29
	TỔNG	956	329	627	283	344	612

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN, BẢN, TỔ DÂN PHỐ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
I	XÃ THAN UYÊN	
1	Bản, tổ dân phố giữ nguyên	Giữ nguyên 03 bản; Sắp xếp 38 bản, khu phố để thành lập 16 thôn, bản, giáp 22 bản, khu phố. Sau sắp xếp xã Than Uyên còn lại 19 thôn, bản, khu phố; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.1	Bản Mường	
1.2	Bản Ớn Nọi	
1.3	Bản Huổi Hằm	
2	Bản, tổ dân phố thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Ớn Luông, bản Hua Than, bản Xuân Phương để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Sen Đông và bản Đông để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Lăn và Bản Lăn Giảng để thành lập bản mới	
2.4	Sáp nhập bản Cầm Trung 1, Cầm Trung 2 để thành lập bản mới	
2.5	Sáp nhập Khu 9 và bản Ngà để thành lập bản mới	
2.6	Sáp nhập Khu 8 và Khu 10 để thành lập khu mới	
2.7	Sáp nhập Khu 5B và Khu 7 để thành lập khu mới	
2.8	Sáp nhập Khu 5A và Khu 6 để thành lập khu mới	
2.9	Sáp nhập Khu 1, Khu 2 và Khu 4 để thành lập khu mới	
2.10	Sáp nhập bản Nà Ban, bản Chăm Cáy, bản Đắc để thành lập bản mới	
2.11	Sáp nhập bản Phường, bản Hua Nà, bản Đán Đăm để thành lập bản mới	
2.12	Sáp nhập bản Co Nọi, bản Phiêng Cầm và bản Pù Quái để thành lập bản mới	
2.13	Sáp nhập bản Lá Mường và Bản Xóm Mới để thành lập bản mới	
2.14	Sáp nhập bản Nà Khiết và Bản Cang Mường để thành lập bản mới	
2.15	Sáp nhập bản Co Phày và Bản Pom Bó để thành lập bản mới	
2.16	Sáp nhập bản Mạ, bản Mé, bản Muông để thành lập bản mới	
II	XÃ MƯỜNG THAN	
1	Bản giữ nguyên	
1.1	Bản Mớ	
1.2	Bản Nặm Ngùa	
1.3	Bản Khi 2	
1.4	Bản Che Bó	
1.5	Bản Đội 9	
1.6	Bản Nà Xa	

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
1.7	Bản Nậm Sáng	Giữ nguyên 13 bản (trong đó đổi tên 01 bản); sắp xếp 11 bản để thành lập 05 bản, giảm 06 bản. Sau sắp xếp, xã Mường Than còn lại 18 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.8	Bản Sam Sầu	
1.9	Bản Khoang	
1.10	Bản Vè	
1.11	Bản Nà Phái	
1.12	Bản Sân Bay	
1.13	Bản Hát Nam	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Noong Thăng và bản Khi 1 để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Sắp Ngựa và bản Nậm Vai để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Sang Ngà và bản Nà phát thành lập bản mới	
2.4	Sáp nhập bản Chít và bản Đội 11 thành lập bản mới	
2.5	Sáp nhập bản Mường, bản Ít, bản Lào để thành lập bản mới	
III	XÃ MUỜNG KIM	
1	Bản giữ nguyên	Giữ nguyên 06 bản, sắp xếp 37 bản để thành lập 15 bản, giảm 22 bản. Sau sắp xếp, xã Mường Kim còn lại 21 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.1	Bản Lướt	
1.2	Bản Nà É	
1.3	Bản Nà Đình	
1.4	Bản Hua Chít	
1.5	Bản Pá Khoang	
1.6	Bản Pá Chít Tầu	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Ngã Ba và bản Chiềng Ban 1 để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Nà Dân và bản Chiềng Ban 2 để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Hàng và bản Thăm Phé để thành lập bản mới	
2.4	Sáp nhập bản Là 1 và bản Là 2 để thành lập bản mới	
2.5	Sáp nhập bản Mường 1 và bản Mường 2 để thành lập bản mới	
2.6	Sáp nhập bản Nà Khương, bản Khiết và bản Nà Then để thành lập bản mới	
2.7	Sáp nhập bản Chát, bản Vi, bản Nà Hày để thành lập bản mới	
2.8	Sáp nhập bản Lun 1 và bản Lun 2 để thành lập bản mới	
2.9	Sáp nhập bản Xoong, bản Khá, bản Pá Liềng để thành lập bản mới	
2.10	Sáp nhập bản Tà Mung, bản Nậm Pắt, bản Hô Ta để thành lập bản mới	
2.11	Sáp nhập bản Tu San, bản Đán Tọ, bản Nậm Mỏ để thành lập bản mới	

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
2.12	Sáp nhập bản Pu Cay, bản Chít và bản Huôi Bắc để thành lập bản mới	
2.13	Sáp nhập bản Pá Khôm và bản Khi để thành lập bản mới	
2.14	Sáp nhập bản Cáp Na 1, Cáp Na 2 và Cáp Na 3 để thành lập bản mới	
2.15	Sáp nhập bản Noong Ô và bản Noong Ma để thành lập bản mới	
IV	XÃ KHOEN ON	
1	Bản giữ nguyên	Giữ nguyên 06 bản, sắp xếp 17 bản để thành lập 08 bản, giảm 09 bản. Sau sắp xếp, xã Khoen On còn lại 14 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.1	Bản Huôi Cây	
1.2	Bản Củng	
1.3	Bản Noong Quài	
1.4	Bản Tà Lôm	
1.5	Bản Hua Đán	
1.6	Bản Noong Quang	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Mỹ với bản Hua Mỹ để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Khem với bản Nam và bản Co Cai để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Gia với bản Mè để thành lập bản mới	
2.4	Sáp nhập bản Hỳ với bản Ten Co Mư để thành lập bản mới	
2.5	Sáp nhập bản Mùi 1, Bản Mùi 2 và 01 phần (22 hộ) của bản On 1 để thành lập bản mới	
2.6	Sáp nhập bản On và 01 phần (26 hộ) của bản On 1 để thành lập bản mới	
2.7	Sáp nhập bản Sàng với bản Chế Hạng để thành lập bản mới	
2.8	Sáp nhập bản Mỏ với bản Đốc để thành lập bản mới	
V	XÃ TÂN UYÊN	
1	Thôn, bản giữ nguyên	
1.1	Thôn 5	
1.2	Thôn Hô Be	
1.3	Thôn Nà Nọi	
1.4	Thôn Tân Muôn	
1.5	Thôn Hòa Hợp	
1.6	Thôn 24	
1.7	Thôn 15	
1.8	Thôn 17	
1.9	Thôn 21	
1.10	Thôn 3	
1.11	Thôn 26	
1.12	Thôn 2	
1.13	Thôn 32	

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
1.14	Thôn Chom Chăng	Giữ nguyên 22 thôn, bản; sắp xếp 22 thôn, bản để thành lập 10 thôn, bản, giảm 12 thôn, bản. Sau sắp xếp, xã Tân Uyên còn lại 32 thôn, bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.15	Thôn Tạng Đán	
1.16	Bản Bút Trên	
1.17	Thôn Tát Xôm	
1.18	Thôn Hua Cướm 2	
1.19	Thôn Pầu Pát	
1.20	Thôn Hua Cản	
1.21	Thôn Hua Phường	
1.22	Thôn Nà Phát	
2	Thôn, bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập thôn Hoàng Liên và thôn Hua Pầu để thành lập thôn	
2.2	Sáp nhập thôn Chạm Cả và thôn Huôi Luông để thành lập thôn mới	
2.3	Sáp nhập thôn 1 và thôn 7 để thành lập thôn mới	
2.4	Sáp nhập thôn Tân Dương và Bản Bút Dưới để thành lập thôn mới	
2.5	Sáp nhập thôn Tát Xôm 3 và thôn Pá Xôm để thành lập thôn mới	
2.6	Sáp nhập thôn Nặm Xôm, Kim Pu và thôn Noong Kim để thành lập thôn mới	
2.7	Sáp nhập thôn Phiêng Phát 1 và thôn Phiêng Phát để thành lập thôn mới	
2.8	Sáp nhập thôn Hua Cướm 1 và thôn Pá Ngùa để thành lập thôn mới	
2.9	Sáp nhập bản Nà Hoi và bản Nà Ban để thành lập bản mới	
2.10	Sáp nhập thôn Phiêng Lúc, Phiêng Bay, Phiêng Áng để thành lập thôn mới	
VI	XÃ MƯỜNG KHOA	
1	Bản giữ nguyên	Giữ nguyên 12 bản; sắp xếp 03 bản để thành lập 02 bản, giảm 01 bản. Sau sắp xếp, xã Mường Khoa còn lại 14 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.1	Bản Phúc Khoa	
1.2	Bản Ngọc Lại	
1.3	Bản Nà Pè	
1.4	Bản Mường Khoa	
1.5	Bản Phương Nam	
1.6	Bản Phiêng Tâm	
1.7	Bản Nà An	
1.8	Bản Hô Tra	
1.9	Bản Đoàn Kết	
1.10	Bản Hô Ta	
1.11	Bản Hô Bon	

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
1.12	Bản Nậm Bon	
2	Thôn, bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Hào Nghè và 01 phân (49 hộ) của bản Nậm So để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Nậm Cung và 01 phân (94 hộ) của bản Nậm So để thành lập bản mới	
VII	XÃ PẮC TA	
1	Bản giữ nguyên	
1.1	Bản Liên Hợp	
1.2	Bản Bó Lun	
1.3	Bản Quyết Tiến	
1.4	Bản Tân Bắc	
1.5	Bản Pắc Ta	
1.6	Bản Nà Săng	
1.7	Bản Trung Tâm	
1.8	Bản Nà Ún	
1.9	Bản Khau Giường	
1.10	Bản Tà Hử	
1.11	Bản Thào	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Sơn Hà và bản Mít Thái để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Lầu và bản Mít Nội để thành lập bản mới	
VIII	XÃ NẬM SỎ	
1	Bản giữ nguyên	
1.1	Bản Nậm Sỏ	
1.2	Bản Nà Lào	
1.3	Bản Ít Luông	
1.4	Bản Nậm Khăn	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Ngam Ca và bản Hua Cả để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Nà Ngò và bản Hua Ngò để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Thó Ló và bản Đán Tuyển thành lập bản mới	
2.4	Sáp nhập bản Khăn Nội và bản Nà Ui để thành lập bản mới	
2.5	Sáp nhập bản Hua Ít và bản Hua Sỏ để thành lập bản mới	
2.6	Sáp nhập các bản: Ui Đạo, Ui Thái và Khâu Hòm để thành lập bản mới	
2.7	Sáp nhập bản Tà Mít và bản Ít Chom Trên để thành lập bản mới	

Giữ nguyên 11 bản; sắp xếp 04 bản để thành lập 02 bản, giảm 02 bản. Sau sắp xếp, xã Pắc Ta còn lại 13 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.

Giữ nguyên 04 bản; sắp xếp 15 bản để thành lập 07 bản, giảm 08 bản. Sau sắp xếp, xã Nậm Sỏ còn lại 11 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
IX	XÃ BÌNH LƯ	
1	Bản giữ nguyên	
1.1	Bản Chu Va 12	Giữ nguyên 10 bản (trong đó đổi tên 08 bản); sắp xếp 25 bản để thành lập 12 bản, giảm 13 bản. Sau sắp xếp, xã Bình Lư còn lại 22 thôn, bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.2	Bản Chu Va 6	
1.3	Bản Chu Va 8	
1.4	Bản Tân Hợp	
1.5	Bản Huổi Ke	
1.6	Bản Pa Pe	
1.7	Bản Trung Tâm	
1.8	Bản Mường Mớ	
1.9	Bản Thác Cạn	
1.10	Bản Hô Ta	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Nậm Dê và bản 46 để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Thèn Thầu và 01 phần (100 hộ) của bản Cò Lá để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Máy Đường và 01 phần (30 hộ) của bản Cò Lá để thành lập thôn mới	
2.4	Sáp nhập bản Hoa Vân và bản Toòng Păn để thành lập thôn mới	
2.5	Sáp nhập bản Km 2 và bản Thống Nhất để thành lập thôn mới	
2.6	Sáp nhập bản Noong Luông, bản Nà Đon, bản Nà San để thành lập bản mới	
2.7	Sáp nhập bản Nà Hum và bản Nà Cà để thành lập bản mới	
2.8	Sáp nhập bản Tân Bình và bản Hưng Bình để thành lập thôn mới	
2.9	Sáp nhập bản Nà Khan và bản Nà Phát để thành lập bản mới	
2.10	Sáp nhập bản Mường Cầu và bản Nậm Tường để thành lập bản mới	
2.11	Sáp nhập bản Thác Tinh, bản Bình Luông và bản Sân Bay để thành lập bản mới	
2.12	Sáp nhập bản Nà Đa và bản Tiên Bình để thành lập thôn mới	
X	XÃ TẢ LÈNG	
1	Bản giữ nguyên	
1.1	Bản Sì Thầu Chải	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Lùng Than, bản Phìn Ngan Lao Chải và bản Phìn Ngan Xin Chải để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Pho Xin Chải và bản San Tra Mán để thành lập bản mới	

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú	
2.3	Sáp nhập bản Pho Lao Chải và bản Hồ Pên để thành lập bản mới	Giữ nguyên 01 bản; sắp xếp 25 bản để thành lập 12 bản, giảm 13 bản. Sau sắp xếp, xã Tả Lèng còn lại 13 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.	
2.4	Sáp nhập bản Tả Lèng Lao Chải và bản Thèn Pả để thành lập bản mới		
2.5	Sáp nhập bản Mào Phô và bản Bãi Bằng để thành lập bản mới		
2.6	Sáp nhập bản Phìn Chải và bản Giang Ma để thành lập bản mới		
2.7	Sáp nhập bản Sin Câu và bản Xin Chải để thành lập bản mới		
2.8	Sáp nhập bản Ngải Chù và bản Tả Cu Tỷ để thành lập bản mới		
2.9	Sáp nhập bản Sừ Thàng và bản Tả Chải để thành lập bản mới		
2.10	Sáp nhập bản Nhiều Sang và bản Phô Hồ Thầu để thành lập bản mới		
2.11	Sáp nhập bản Rừng Ôi Khèo Thầu và bản Đội 4 để thành lập bản mới		
2.12	Sáp nhập bản Gia Khâu và bản Chù Lìn để thành lập bản mới		
XI	XÃ BẢN BO		
1	Bản giữ nguyên		
1.1	Bản Cò Nọt Mông	Giữ nguyên 11 bản; sắp xếp 10 bản để thành lập 04 bản, giảm 06 bản. Sau sắp xếp, xã Bản Bo còn lại 15 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.	
1.2	Bản Hưng Phong		
1.3	Bản Hua Sảng		
1.4	Bản Cốc Phung		
1.5	Bản Nậm Phát		
1.6	Bản Nà Út		
1.7	Bản Hợp Nhất		
1.8	Bản Nà Luông		
1.9	Bản Nà Hiêng		
1.10	Bản Phiêng Giăng		
1.11	Bản Coóc Cuông		
2	Bản thực hiện sắp xếp		
2.1	Sáp nhập bản Nà Khuy, bản Phiêng Tiên và bản Phiêng Păng để thành lập bản mới		
2.2	Sáp nhập bản Nà Can, bản Nà Khương và bản Phiêng Hoi để thành lập bản mới		
2.3	Sáp nhập bản Nà Tăm, bản Nà Vàn để thành lập bản mới		
2.4	Sáp nhập bản Nà Ít và bản bản Cóc Nọc để thành lập bản mới		
XII	XÃ KHUN HÁ		
1	Bản giữ nguyên		

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
1.1	Bản Hon	Giữ nguyên 05 bản; sắp xếp 17 bản để thành lập 07 bản, giảm 10 bản. Sau sắp xếp, xã Khun Há còn lại 12 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.2	Bản Chăn Nuôi	
1.3	Bản Sằn Phàng Thấp	
1.4	Bản Chù Khèo	
1.5	Bản Can Hồ	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Nà Khum, bản Thăm và bản Bãi Trâu để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Hoa Di Hồ, bản Đông Pao 1 và bản Đông Pao 2 để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Lao Chải 1, bản Ma Sao Phìn Thấp và bản Ma Sao Phìn Cao để thành lập bản mới	
2.4	Sáp nhập bản Sằn Phàng Cao, bản Sin Chải và bản Lao Chải 2 để thành lập bản mới	
2.5	Sáp nhập bản Nậm Đích và 01 phần (67 hộ) của bản Ngải Thầu Thấp để thành lập bản mới	
2.6	Sáp nhập bản Ngải Thầu Cao và 01 phần (27 hộ) của bản Ngải Thầu Thấp để thành lập bản mới	
2.7	Sáp nhập bản Thèn Thầu và bản Nậm Pha để thành lập bản mới	
XIII	XÃ PHONG THỔ	
1	Bản giữ nguyên	Giữ nguyên 16 thôn, bản; sắp xếp 32 thôn, bản, tổ dân phố để thành lập 14 thôn, bản, tổ dân phố, giảm 18 thôn, bản, tổ dân phố. Sau sắp xếp, xã Phong Thổ còn lại 30 thôn bản tổ dân phố.
1.1	Bản Nậm Le 2	
1.2	Bản Vàng Bâu	
1.3	Bản Nà Củng	
1.4	Thôn Tây Sơn	
1.5	Thôn Tây Nguyên	
1.6	Bản Tả Phìn	
1.7	Bản Thèn Xin	
1.8	Bản Pa Nậm Cúm	
1.9	Bản Hùng Pèng	
1.10	Bản Pờ Ngải	
1.11	Bản Ngải Chồ 1	
1.12	Bản Làng Vây 1	
1.13	Bản Làng Vây 2	
1.14	Bản Nhiều Sáng	
1.15	Bản Hoàng Trù Sào	
1.16	Bản Hồ Thầu	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập thôn Vàng Bó với thôn Thông nhất để thành lập thôn mới	

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
2.2	Sáp nhập tổ dân phố Pa So, bản Nậm Pây và tổ dân phố Hòa Bình để thành lập tổ dân phố mới	Giữ nguyên 15 bản; sáp nhập 17 bản để thành lập 07 bản, giảm 10 bản. Sau sắp xếp, xã Khổng Lào còn lại 22 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
2.3	Sáp nhập thôn Đoàn Kết với tổ dân phố Hữu Nghị để thành lập tổ dân phố mới	
2.4	Sáp nhập bản Huổi Sen với thôn Tây An để thành lập thôn mới	
2.5	Sáp nhập bản Nậm Cung, bản Vàng Pheo, bản Phiêng Đanh để thành lập bản mới	
2.6	Sáp nhập bản Huổi Én và bản Huổi Bảo để thành lập bản mới	
2.7	Sáp nhập bản Sòn Thầu 1 với bản Pờ Ma Hồ để thành lập bản mới	
2.8	Sáp nhập bản Ma Li Pho và bản Sòn Thầu 2 để thành lập bản mới	
2.9	Sáp nhập bản Na Sa Phìn và bản Thèn Thầu để thành lập bản mới	
2.10	Sáp nhập bản Ma Lù Thàng 1 và bản Ma Lù Thàng 2 để thành lập bản mới	
2.11	Sáp nhập bản Chang Hồng 1 và bản Chang Hồng 2 để thành lập bản mới	
2.12	Sáp nhập bản U Gia, bản La Vân và bản Sơn Bình để thành lập bản mới	
2.13	Sáp nhập bản Pô Tô và bản Can Thàng để thành lập bản mới	
2.14	Sáp nhập bản Huổi Luông 1, bản Huổi Luông 2 và bản Huổi Luông 3 để thành lập bản mới	
XIV	XÃ KHỔNG LÀO	
1	Bản giữ nguyên	Giữ nguyên 15 bản; sáp nhập 17 bản để thành lập 07 bản, giảm 10 bản. Sau sắp xếp, xã Khổng Lào còn lại 22 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.1	Bản Hoang Thèn	
1.2	Bản Lèng Xuôi Chín	
1.3	Bản Má Tiễn	
1.4	Bản Giao Chản	
1.5	Bản Pho	
1.6	Bản Má Nghệ	
1.7	Bản Mồ Si Câu	
1.8	Bản Nậm Cáy	
1.9	Bản Nậm Lùng	
1.10	Bản Nà Doong	
1.11	Bản Sàng Giang	
1.12	Bản Nà Giang	
1.13	Bản Thèn Thầu	
1.14	Bản Hợp 1	
1.15	Bản Nà Cúng	
2	Bản thực hiện sắp xếp	

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
2.1	Sáp nhập bản Tả Lèng và bản Xin Chải để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Séo Lén, bản Huổi Luông và bản Nậm Và để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Co Muông, bản Huổi Phặc và bản Huổi Nả để thành lập bản mới	
2.4	Sáp nhập bản Đờ và bản Không Lào để thành lập bản mới	
2.5	Sáp nhập bản Cang, bản Phai Cát và bản Huổi Loỏng để thành lập bản mới	
2.6	Sáp nhập bản Ho Sao Chải và bản Nậm Khay để thành lập bản mới	
2.7	Sáp nhập bản Nà Vàng và bản Lang 2 để thành lập bản mới	
XV	XÃ SIN SUỐI HỒ	
1	Bản giữ nguyên	
1.1	Bản Chí Sáng	
1.2	Bản Huổi Hán	
1.3	Bản Dền Thàng	
1.4	Bản Po Chà	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Pan Khèo và bản Sin Câu để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Đông Phong và bản Thèn Sin 1 để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Lở Thàng 1 và bản Lở Thàng 2 để thành lập bản mới	
2.4	Sáp nhập bản Thèn Sin 2 và bản Na Đông để thành lập bản mới	
2.5	Sáp nhập bản Dền Sung và bản Trung Hồ để thành lập bản mới	
2.6	Sáp nhập bản Sin Suối Hồ và bản Sân Bay để thành lập bản mới	
2.7	Sáp nhập bản Căn Câu và bản Sỉ Cha Chải để thành lập bản mới	
2.8	Sáp nhập bản Chàng Phàng và bản Sàng Mà Pho để thành lập bản mới	
2.9	Sáp nhập bản Can Hồ và Bản Nậm Xe để thành lập bản mới	
2.10	Sáp nhập bản Văng Thăm và Bản Mần 2 và Bản Mần 1 để thành lập bản mới	
2.11	Sáp nhập bản Hoàng Liên Sơn 1 và Bản Hoàng Liên Sơn 2 để thành lập bản mới	
2.12	Sáp nhập bản Co Muông và bản Màu và Bản Mỏ để thành lập bản mới	
2.13	Sáp nhập bản Van Hồ 1 và bản Van Hồ 2 để thành lập bản mới	
2.14	Sáp nhập bản Ngải Trò và bản San Di và bản Pà Chải để thành lập bản mới	
		Giữ nguyên 04 bản; sắp xếp 31 bản để thành lập 14 bản, giảm 17 bản. Sau sắp xếp, xã Nậm Sỏ còn lại 18 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
XVI	XÃ DÀO SAN	
1	Bản giữ nguyên	
1.1	Bản Dền Sang	
1.2	Bản San Cha	
1.3	Bản Ma Can	
1.4	Bản Lùng Than	
1.5	Bản Sàng Sang	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Hợp 1 và bản U Ní Chải để thành lập bản mới	Giữ nguyên 05 bản; sắp xếp 23 bản để thành lập 10 bản, giảm 13 bản. Sau sắp xếp, xã Đào San còn lại 15 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
2.2	Sáp nhập bản Hợp 2 và bản Sin Chải 1 để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Dền Thàng A và bản Dền Thàng B để thành lập bản mới	
2.4	Sáp nhập bản Xi Phài và bản Lèng Chư để thành lập bản mới	
2.5	Sáp nhập bản Sẻnh Sàng A và bản Sẻnh Sàng B để thành lập bản mới	
2.6	Sáp nhập bản Sin Chải 2 và bản Khoa San để thành lập bản mới	
2.7	Sáp nhập bản Tung Chung Vang, bản Lãng Than và bản Mù Sang để thành lập bản mới	
2.8	Sáp nhập bản Can Chu Dao, bản Tà Tê và bản Sàng Cải để thành lập bản mới	
2.9	Sáp nhập bản Cặng Há và bản Cặng Ký để thành lập bản mới	
2.10	Sáp nhập bản Tung Qua Lin, bản Cò Ký và bản Hờ Mèo để thành lập bản mới	
XVII	XÃ SÌ LỠ LẦU	
1	Bản giữ nguyên	
1.1	Bản Lao Chải	
1.2	Bản Lả Nhì Thàng	
1.3	Bản Hoang Thèn	
1.4	Bản Mồ Si San	
1.5	Bản Séo Hồ Thầu	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Phố Vây và bản Thà Giàng để thành lập bản mới	Giữ nguyên 05 bản; sắp xếp 22 bản để thành lập 11 bản, giảm 11 bản. Sau sắp xếp, xã Sỉ Lờ Lầu còn lại 16 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân
2.2	Sáp nhập bản Xin Chải và bản Gia Khâu để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Mới và bản Tỷ Phùng để thành lập bản mới	
2.4	Sáp nhập bản Tả Chải và bản Sín Chải để thành lập bản mới	
2.5	Sáp nhập bản Tả Phùng và bản Tả Ô để thành lập bản mới	

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú	
2.6	Sáp nhập bản Nhóm 1 và bản Nhóm 2 để thành lập bản mới	theo quy định.	
2.7	Sáp nhập bản Nhóm 3 và bản Sĩ Choang để thành lập bản mới		
2.8	Sáp nhập bản Tân Séo Phìn và bản Tô Y Phìn để thành lập bản mới		
2.9	Sáp nhập bản Pa Vây Sừ và bản Pờ Xa để thành lập bản mới		
2.10	Sáp nhập bản Ngải Thầu và bản Xín Chải để thành lập bản mới		
2.11	Sáp nhập bản Hang É và bản Trung Chải để thành lập bản mới		
XVIII	XÃ SÌN HỒ		
1	Bản giữ nguyên	Giữ nguyên 06 bản; sắp xếp 21 thôn, bản để thành lập 09 thôn, bản, giảm 12 thôn, bản. Sau sắp xếp, xã Sìn Hồ còn lại 15 thôn, bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.	
1.1	Thôn 1		
1.2	Thôn 4		
1.3	Bản Lò Tô Phìn		
1.4	Bản Săng Tăng Ngai		
1.5	Thôn 3		
1.6	Bản Hoàng Hồ		
2	Bản thực hiện sắp xếp		
2.1	Sáp nhập Thôn 5 và 01 phần (16 hộ vùng cao) bản Sìn Hồ Vây để thành lập thôn mới		
2.2	Sáp nhập bản Nậm Lúc 1, bản Nậm Lúc 2 và 01 phần (25 hộ vùng thấp thuộc bản Sìn Hồ Vây) để thành lập bản mới		
2.3	Sáp nhập Thôn 2 và bản Sìn Hồ Dao để thành lập thôn mới		
2.4	Sáp nhập bản Sà Dề Phìn và bản Hắt Hơ để thành lập bản mới		
2.5	Sáp nhập bản Săng Phìn và bản Mao Sao Phìn để thành lập bản mới		
2.6	Sáp nhập bản Suối Sù Tổng, bản Nậm Hái và bản Liều Chải để thành lập bản mới		
2.7	Sáp nhập bản Phăng Sô Lin; bản Tả Sừ Trồ và 13 hộ thuộc các bản của xã Tả Phìn cũ để thành lập bản mới		
2.8	Sáp nhập bản Tầm Choang, bản Sềng Láng, bản Sìn Thàng, bản Trị Xoang và 01 phần (66 hộ) của bản Tả Phìn, 01 phần (06 hộ) của bản Sềng Láng để thành lập bản mới		
2.9	Sáp nhập bản Bành Phán, bản Sìn Thàng, 01 phần (41 hộ) bản Sềng Láng, 01 phần (04 hộ) Tả Phìn và 01 phần (03 hộ) của bản Trị Xoang để thành lập bản mới		
XIX	XÃ TỬA SÍN CHẢI		
1	Bản giữ nguyên		
1.1	Bản Nhiều Sáng		
1.2	Bản San Sủa Hồ		

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
1.3	Bản Thành Chừ	Giữ nguyên 05 bản; sắp xếp 26 bản để thành lập 13 bản, giảm 13 bản. Sau sắp xếp, xã Tủa Sín Chải có 18 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.4	Bản Phi Ên	
1.5	Bản Tia Khí	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Lãng Mô và bản Tà Cù Nhè để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Nậm Chán, bản Lao Lử Đề và 01 phần (10 hộ cụm Hệ Thàng) của bản Ngải San để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản bản Ngải San và 01 phần (63 hộ) của bản Hồ Suối Tổng để thành lập bản mới	
2.4	Sáp nhập bản Tả San II và bản Diên Thàng để thành lập bản mới	
2.5	Sáp nhập bản Tù Cù Phìn và 01 phần (82 hộ) của bản Hồ Suối Tùng để thành lập bản mới	
2.6	Sáp nhập bản Ha Vu Chừ, bản Chín Chu Phìn và bản Pu Chu Phìn để thành lập bản mới	
2.7	Sáp nhập bản Tủa Sín Chải và bản Thà Giàng Phô để thành lập bản mới	
2.8	Sáp nhập bản Thà Giàng Chải, bản Cha Pa Phòng để thành lập bản mới	
2.9	Sáp nhập bản Hải Hồ và bản Lùn Sừ Phìn để thành lập bản mới	
2.10	Sáp nhập bản Háng Lìa 1 và bản Háng Lìa 2 để thành lập bản mới	
2.11	Sáp nhập bản Háng Lìa Hồng Thứ và bản Tia Chí Lư để thành lập bản mới	
2.12	Sáp nhập bản Seo Sáng và bản Ka Sin Chải để thành lập bản mới	
2.13	Sáp nhập bản Sáng Tùng và bản Nậm Khăm để thành lập bản mới	
XX	XÃ PA TÀN	
1	Bản giữ nguyên	Giữ nguyên 01 bản; sắp xếp 25 bản để thành lập 10 bản, giảm 15 bản. Sau sắp xếp, xã Pa Tàn còn lại 11 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.1	Bản Nậm Ván	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Nậm Ô và bản Nậm Xê để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Nậm Vạc 1 và bản Nậm Vạc 2 để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Pa Pảng và bản Hua Pảng để thành lập bản mới	
2.4	Sáp nhập bản Nậm Sáo 1, bản Nậm Sáo 2 và bản Trung Chải để thành lập bản mới	
2.5	Sáp nhập bản Nậm Nó 1 và bản Nậm Nó 2 để thành lập bản mới	
2.6	Sáp nhập bản Pa Tàn 1, bản Pa Tàn 2 và bản Cầu Phà để thành lập bản mới	
2.7	Sáp nhập bản Pa Tàn 3, Bản An Tàn và bản Nậm Sáo để thành lập bản mới	

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
2.8	Sáp nhập bản Nậm Tiến 1, bản Nậm Nậm Tiến 2 và bản Nậm Tàn Xá để thành lập bản mới	
2.9	Sáp nhập bản Nậm Tàn Mông 1, bản Nậm Nậm Tàn Mông 2 và bản Lòng Thàng để thành lập bản mới	
2.10	Sáp nhập bản Pho 1 và bản Pho 2 để thành lập bản mới	
XXI	XÃ HỒNG THU	
1	Bản giữ nguyên	Giữ nguyên 09 bản; sắp xếp 18 bản để thành lập 09 bản, giảm 09 bản. Sau sắp xếp, xã Hồng Thu còn lại 18 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.1	Bản Than Chi Hồ	
1.2	Bản Can Tỷ 2	
1.3	Bản Nậm Mạ Thái	
1.4	Bản Nà Kế 3	
1.5	Bản Ma Quai Thàng	
1.6	Bản Phìn Hồ (xã Phìn Hồ cũ)	
1.7	Bản Phìn Hồ (xã Ma Quai cũ)	
1.8	Bản Pa Chao Ô	
1.9	Bản Nậm Mạ Đạo	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Pa Phang 1 với Pa Phang 2 để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Nà kế 1 và bản Nà Kế 2 để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Hồng Thu Chồ và bản Trung Xung A để thành lập bản mới	
2.4	Sáp nhập bản Xà Chải và bản Xà Chải 1 để thành lập bản mới	
2.5	Sáp nhập bản Đin Đanh và bản Soong Cón để thành lập bản mới	
2.6	Sáp nhập bản Can Tỷ 1, bản Can Tỷ 3 để thành lập bản mới	
2.7	Sáp nhập bản Ngài Chồ và bản Tà Ghênh để thành lập bản mới	
2.8	Sáp nhập bản Seo Lèng 1 và bản Seo Lèng 2 để thành lập bản mới	
2.9	Sáp nhập bản Tả Thàng và bản Làng Sảng và 01 phần (06 hộ giáp bản Làng Sảng) để thành lập bản mới	
XXII	XÃ NẬM TẮM	
1	Bản giữ nguyên	
1.1	Bản Ngài Chồ	
1.2	Bản Nậm Chăng	
1.3	Bản Nậm Pè	
1.4	Bản Seo Phìn	
1.5	Bản Nà Tăm 3	

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
2	Bản thực hiện sắp xếp	Giữ nguyên 05 bản; sắp xếp 21 bản để thành lập 09, giảm 12 bản. Sau sắp xếp, xã Nậm Tăm còn lại 14 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
2.1	Sáp nhập bản Nậm Bó và bản Pá Pao để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Lũng Thàng, bản Can Hồ và bản Vàng Bon để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Lũng Cù, bản Phiêng Quang và bản Tân Phong để thành lập bản mới	
2.4	Sáp nhập bản Co Cóc, bản Tà Tú và bản Nậm Lò để thành lập bản mới	
2.5	Sáp nhập bản Pá Khôm và bản Nậm Kinh để thành lập bản mới	
2.6	Sáp nhập bản Nà Tăm 2 và bản Phiêng Chá để thành lập bản mới	
2.7	Sáp nhập bản Nà Tăm 1 và Bản Pâu để thành lập bản mới	
2.8	Sáp nhập bản Nậm Ngập và bản Nậm Ngập 1 để thành lập bản mới	
2.9	Sáp nhập bản Nậm Cha và bản Diên Thàng để thành lập bản mới	
XXIII	XÃ PU SAM CÁP	
1	Bản giữ nguyên	Giữ nguyên 03 bản; sắp xếp 16 bản để thành lập 08 bản, giảm 08 bản. Sau sắp xếp, xã Pu Sam Cáp còn lại 11 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.1	Bản Hua Ná	
1.2	Nậm Béo	
1.3	Noong Hèo	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Hồng Quảng 1 và 01 phân (40 hộ) bản Hồng Quảng 2 để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Pa Khóa và 01 phân (15 hộ) bản Hồng Quảng 2 để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Hồ Sĩ Pán, bản Tia Tê để thành lập bản mới	
2.4	Sáp nhập bản Noong Hèo 1 và bản Ta Pả để thành lập bản mới	
2.5	Sáp nhập bản Noong Om và bản Ná Đon để thành lập bản mới	
2.6	Sáp nhập bản Ná Sái, bản Nậm Há và bản Phiêng Chạng để thành lập bản mới	
2.7	Sáp nhập bản Ta Pun, bản Pẩn Ngọn để thành lập bản mới	
2.8	Sáp nhập bản Phi Hồ, bản Nà Phần để thành lập bản mới	
XXIV	XÃ NẬM MẠ	
1	Bản giữ nguyên	Giữ nguyên 05 bản; sắp xếp 06 bản để thành lập 03 bản, giảm 03 bản. Sau sắp xếp, xã Nậm Mạ còn lại 08 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.1	Bản Là Cuối	
1.2	Bản Cấn Co	
1.3	Bản Nậm Ngá	
1.4	Bản Nậm Phìn	
1.5	Bản Nậm Kinh	
2	Bản thực hiện sắp xếp	

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
2.1	Sáp nhập bản Ngải Thâu và bản Lao Hu San để thành lập bản mới	lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
2.2	Sáp nhập bản Huổi Ca và bản Co Lẹ để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Nậm Mạ và bản Sông Đà để thành lập bản mới	
XXV	XÃ NẬM CUỐI	
1	Bản giữ nguyên	Giữ nguyên 8 bản; sắp xếp 16 bản để thành lập 08 bản, giảm 08 bản. Sau sắp xếp, xã Nậm Cuối còn lại 16 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.1	Bản Huổi Lá	
1.2	Bản Chát Đạo	
1.3	Bản Chát Thái	
1.4	Bản Can Ma	
1.5	Bản Hay	
1.6	Bản Hua Cuối	
1.7	Bản Nậm Cọ	
1.8	Bản Nậm Coóng	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Huổi Pha 1 và bản Huổi Pha 2 để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Hua Pha và bản Co Sản để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Nậm Lốt và bản Nậm Kha để thành lập bản mới	
2.4	Sáp nhập bản Đo Nọi và bản Đo Luông để thành lập bản mới	
2.5	Sáp nhập bản Nậm Hoi và bản Pú Mạ để thành lập bản mới	
2.6	Sáp nhập bản Tân Lập và bản Cuối Nua để thành lập bản mới	
2.7	Sáp nhập bản Cuối Tờ 1 và bản Cuối Tờ 2 để thành lập bản mới	
2.8	Sáp nhập bản Pá Pha với bản Pá Hăn để thành lập bản mới	
XXVI	XÃ NẬM HÀNG	
1	Bản, tổ dân phố giữ nguyên	Giữ nguyên 14 bản, tổ dân phố. Sắp xếp 04 tổ dân phố để thành lập 02 bản, giảm 02 bản. Sau sắp xếp, xã
1.1	Tổ dân phố Nậm Hàng	
1.2	Bản Nậm Lay	
1.3	Bản Lồng Ngải	
1.4	Bản Nậm Ty	
1.5	Bản Nậm Dòn	
1.6	Bản Huổi Pét	
1.7	Bản Huổi Đanh	
1.8	Bản Nậm Cày	

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú	
1.9	Bản Huồi Van	Nậm Hàng còn lại 16 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.	
1.10	Bản Nậm Nàn		
1.11	Bản Huồi Chát		
1.12	Bản Huồi Héo		
1.13	Bản Nậm Manh		
1.14	Bản Nậm Pồ		
2	Tổ dân phố thực hiện sắp xếp		
2.1	Sáp nhập tổ dân phố Pá Kéo và Tổ dân phố Sông Đá để thành lập bản mới		
2.2	Sáp nhập tổ dân phố Noong Kiêng và tổ dân phố Nậm Nhùn để thành lập bản mới		
XXVII	XÃ LÊ LỢI		
1	Bản, tổ dân phố giữ nguyên		Giữ nguyên 09 bản; sắp xếp 15 bản để thành lập 07 bản, giảm 08 bản. Sau sắp xếp xã Lê Lợi còn lại 16 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.1	Bản Nậm Pi		
1.2	Bản Chang		
1.3	Bản Pá Bon		
1.4	Bản Pá Sập		
1.5	Bản Pá Đôn		
1.6	Bản Pè Ngài 2		
1.7	Bản Pè Ngài 1		
1.8	Bản Nậm Vời		
1.9	Bản Nậm Pi 1		
2	Tổ dân phố thực hiện sắp xếp		
2.1	Sáp nhập bản Nậm Đoong, bản Nậm Đắc và bản Hồng Ngài, dự kiến tên bản là bản mới		
2.2	Sáp nhập Bản Phiêng Ban và bản Chợ, dự kiến tên bản là bản mới		
2.3	Sáp nhập bản Co Mùn và Lao Chen, dự kiến tên bản là bản mới		
2.4	Sáp nhập bản Phiêng Diêm và Chiềng Nưa, dự kiến tên bản là bản mới		
2.5	Sáp nhập bản Chiềng Chăn và Chiềng Chăn 3, dự kiến tên bản là bản mới		
2.6	Sáp nhập bản Chiềng Chăn 4 và Nậm Cây, dự kiến tên bản là bản mới		
2.7	Sáp nhập bản Nậm Sập và bản Ma Sang dự kiến tên bản là bản mới		
XXVIII	XÃ MƯỜNG MÔ		
1	Bản giữ nguyên		
1.1	Bản Mường Mô		
1.2	Bản Mường Mô 1		

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú	
1.3	Bản Giảng	Giữ nguyên 15 bản, không thực hiện sắp xếp	
1.4	Bản Cang		
1.5	Bản Phiêng Lăn		
1.6	Bản Huổi Sớ		
1.7	Bản Nậm Hải		
1.8	Nậm Khao		
1.9	Bản Tổng Pịt		
1.10	Bản Hát Mé		
1.11	Bản Huổi Đạo		
1.12	Bản Táng Ngá		
1.13	Bản Nậm Chà		
1.14	Bản Huổi Lính		
1.15	Bản Huổi Mẩn		
XXIX	XÃ HUA BUM		
1	Bản giữ nguyên		Giữ nguyên 12 bản, không thực hiện sắp xếp
1.1	Bản Pa Cheo		
1.2	Bản Chang Cháo Pá		
1.3	Bản Pa Mu		
1.4	Bản Nậm Nghe		
1.5	Bản Nà Phầy		
1.6	Bản Vàng San		
1.7	Bản Pắc Pạ		
1.8	Bản Sang Sui		
1.9	Bản Nậm sê		
1.10	Bản Nậm Suồng		
1.11	Bản Nậm Cười		
1.12	Bản Nậm Táng		
XXX	XÃ BUM TỔ		
1	Thôn, bản giữ nguyên		
1.1	Bản Nà Áng		
1.2	Thôn 12		
1.3	Bản Bo		
1.4	Thôn 7		
1.5	Bản Nậm Cầu		
1.6	Thôn 8		

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú	
1.7	Thôn 10	Giữ nguyên 17 thôn, bản; sắp xếp 04 thôn, bản để thành lập 02 thôn, bản, giảm 02 thôn, bản. Sau sắp xếp xã Bum Tở còn lại 19 thôn, bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.	
1.8	Bản Mần		
1.9	Bản Huồi Han		
1.10	Bản Nậm Xả		
1.11	Bản Đầu Nậm Xả		
1.12	Bản Phìn Khò		
1.13	Bản Chà Di		
1.14	Bản Tả Phìn		
1.15	Bản Nậm Lọ		
1.16	Bản Seo Hai		
1.17	Bản Sĩ Thâu Chải		
2	Thôn, bản thực hiện sắp xếp		
2.1	Sáp nhập thôn 1 và thôn 2 để thành lập thôn mới		
2.2	Sáp nhập bản Nậm Hạ và bản Nậm Thú để thành lập bản mới		
XXXI	XÃ BUM NỬA		
1	Bản giữ nguyên		Giữ nguyên 03 bản; sắp xếp 16 bản để thành lập 08 bản, giảm 08 bản. Sau sắp xếp, xã Bum Nửa còn lại 11 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.1	Bản Phí Chi B		
1.2	Bản A Mạ		
1.3	Bản Khoang Thèn		
2	Bản thực hiện sắp xếp		
2.1	Sáp nhập bản Phiêng Kham, Nà Hừ 1, Nà Hừ 2 để thành lập bản mới		
2.2	Sáp nhập bản Nà Hè và 01 phần (185 hộ) của bản Bum để thành lập bản mới		
2.3	Sáp nhập bản Nà Lang và 01 phần (20 hộ) của bản Bum để thành lập bản mới		
2.4	Sáp nhập bản Nậm Cùm và bản Phí Chi A để thành lập bản mới		
2.5	Sáp nhập bản Chà Gá, Pá Hạ; thành lập bản mới		
2.6	Sáp nhập bản Seo Thèn, bản Thò Ma để thành lập bản mới		
2.7	Sáp nhập bản Xà Phìn, bản Sín Chải C và 01 phần (08 hộ) bản Thò Ma để thành lập bản mới		
2.8	Sáp nhập bản Sín Chải A, Sín Chải B để thành lập bản mới		
XXXII	XÃ MƯỜNG TÈ		
1	Bản giữ nguyên	Giữ nguyên 7 bản; sắp xếp 04 bản để thành lập 02 bản, giảm 02 bản. Sau sắp xếp,	
1.1	Bản Nậm Hản		
1.2	Bản Pắc Ma		
1.3	Bản Mường Tè		
1.4	Bản Láng Phiếu		

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
1.5	Bản Nậm Phìn	xã Mường Tè còn lại 09 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.6	Bản Xám Láng	
1.7	Bản Huổi Tát	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Nậm Cùm và bản Nậm Cùm 2 và 01 phần của bản Bó để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Giăng và 01 phần của bản Bó để thành lập bản mới	
XXXIII	XÃ MÙ CẢ	
1	Bản giữ nguyên	Giữ nguyên 08 bản, không thực hiện sắp xếp
1.1	Bản Tó Khò	
1.2	Bản Xi Né	
1.3	Bản Mù Cả	
1.4	Bản Má Ký	
1.5	Bản Mò Su	
1.6	Bản Tè Xá	
1.7	Bản Gò Cừ	
1.8	Bản Phìn Khò	
XXXIV	XÃ THU LŨM	
1	Bản giữ nguyên	Giữ nguyên 15 bản; sắp xếp 02 bản để thành lập 01 bản, giảm 01 bản. Sau sắp xếp, xã Thu Lũm còn lại 16 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.1	Bản Gò Khả	
1.2	Bản Pa Thắng	
1.3	Bản Lò Ma	
1.4	Bản Mé Gióng	
1.5	Bản Tù Nạ	
1.6	Bản Á Chè	
1.7	Bản Y Ka Đa	
1.8	Bản Lé Ma	
1.9	Bản Nhù Te	
1.10	Bản Là Ú Cò	
1.11	Bản Ka Lãng	
1.12	Bản U Ma	
1.13	Bản Là Si	
1.14	Bản Coòng Khả	
1.15	Bản Ló Na	
2	Bản thực hiện sắp xếp	

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
2.1	Sáp nhập bản Thu Lũm và Thu Lũm 2 để thành lập bản Thu Lũm	
XXXV	XÃ PA Ủ	
1	Bản giữ nguyên	Giữ nguyên 07 bản; sắp xếp 10 bản để thành lập 05 bản, giảm 05 bản. Sau sắp xếp, xã Pa Ủ còn lại 12 bản; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.1	Bản Hà Xi	
1.2	Bản Cờ Lò	
1.3	Bản Tá Bạ	
1.4	Bản Là Pê	
1.5	Bản Nhóm Pố	
1.6	Bản Vạ Pù	
1.7	Bản Xà Hồ	
2	Bản thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập bản Ló Mé Lè Giăng và bản Là Xi để thành lập bản mới	
2.2	Sáp nhập bản Pa Ủ và bản Mô Chi để thành lập bản mới	
2.3	Sáp nhập bản Thăm Pa và bản Tân Biên để thành lập bản mới	
2.4	Sáp nhập bản Ứ Ma và bản Nhú Ma để thành lập bản mới	
2.5	Sáp nhập bản Chà Kế và bản Pha Bu để thành lập bản mới	
XXXVI	XÃ TÀ TỔNG	
1	Bản giữ nguyên	Giữ nguyên 11 bản, không thực hiện sắp xếp
1.1	Bản Giăng Ly Cha	
1.2	Bản Ngà Chồ	
1.3	Bản Tà Tổng	
1.4	Bản Cô Lô Hồ	
1.5	Bản Cao Chải	
1.6	Bản Nậm Dính	
1.7	Bản A Mé	
1.8	Bản Pà Khà	
1.9	Bản Nậm Ngà	
1.10	Bản U Na	
1.11	Bản Tia Ma Mù	
XXXVII	PHƯỜNG ĐOÀN KẾT	
1	Tổ dân phố giữ nguyên	
1.1	Tổ dân phố Cư Nhà La	
1.2	Tổ dân phố Lản Nhi Thàng	
1.3	Tổ dân phố Hồng Thu	
1.4	Tổ dân phố Chiêu Sải Phìn	
1.5	Tổ dân phố Sì Lèng Chải	

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
1.6	Tổ dân phố Séo Xiên Pho	Giữ nguyên 08 tổ dân phố; sắp xếp 40 tổ dân phố để thành lập 14 bản, tổ dân phố, giảm 26 tổ dân phố. Sau sắp xếp, phường Đoàn Kết còn lại 22 bản, tổ dân phố; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.7	Tổ dân phố Tô Y Phìn	
1.8	Tổ dân phố Cung Mù Phìn	
2	Tổ dân phố thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập các Tổ dân phố: 01, 02 để thành lập Tổ dân phố mới	
2.2	Sáp nhập các Tổ dân phố: 03, 04 để thành lập Tổ dân phố mới	
2.3	Sáp nhập các Tổ dân phố: 05, 06, 07 để thành lập Tổ dân phố mới	
2.4	Sáp nhập các Tổ dân phố: 08, 09, 12 để thành lập Tổ dân phố mới	
2.5	Sáp nhập các Tổ dân phố: 10, 11, Thành Lập để thành lập Tổ dân phố mới	
2.6	Sáp nhập các Tổ dân phố: Quyết Tiến 1, Quyết Tiến 2, Quyết Tiến 3 để thành lập Tổ dân phố mới	
2.7	Sáp nhập các Tổ dân phố: Quyết Tiến 5, Quyết Tiến 6 để thành lập Tổ dân phố mới	
2.8	Sáp nhập các Tổ dân phố: Quyết Tiến 7, Quyết Tiến 12, Séo Làn Than để thành lập Tổ dân phố mới	
2.9	Sáp nhập các Tổ dân phố: Quyết Tiến 8, Quyết Tiến 9 để thành lập Tổ dân phố mới	
2.10	Sáp nhập các Tổ dân phố: Nậm Loỏng 1, Nậm Loỏng 2, Nậm Loỏng 3, Bản Màng để thành lập Tổ dân phố mới	
2.11	Sáp nhập các Tổ dân phố: Lùng Thàng, Sùng Chô, Hồi Lùng, Sin Páo Chải để thành lập Tổ dân phố mới	
2.12	Sáp nhập các Tổ dân phố: Gia Khâu I, Gia Khâu II, Seo Pá để thành lập bản mới	
2.13	Sáp nhập các Tổ dân phố: Suối Thầu, Trung Chải, Tả Chải để thành lập bản mới	
2.14	Sáp nhập các Tổ dân phố: Sin Chải, Sùng Phài, Cấn Câu để thành lập bản mới	
XXXVIII	PHƯỜNG TÂN PHONG	
1	Tổ dân phố giữ nguyên	
1.1	Tổ dân phố số 2	
1.2	Tổ dân phố số 14	
1.3	Tổ dân phố số 23	
1.4	Tổ dân phố số 28	
1.5	Tổ dân phố số 26	
1.6	Tổ dân phố Tả Làn Than	
1.7	Tổ dân phố Lùng Than	
1.8	Tổ dân phố Bản Mới	
1.9	Tổ dân phố Sáy San 4	
1.10	Tổ dân phố Xi Miền Khan	

STT	Phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
1.11	Tổ dân phố Phan Chu Hoa	Giữ nguyên 12 tổ dân phố; sắp xếp 34 tổ dân phố để thành lập 17 bản, tổ dân phố, giảm 17 bản, tổ dân phố. Sau sắp xếp, phường Tân Phong còn lại 29 bản, tổ dân phố; tên gọi của các thôn, bản, tổ dân phố do UBND cấp xã lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.
1.12	Tổ dân phố Suối Thầu	
2	Tổ dân phố thực hiện sắp xếp	
2.1	Sáp nhập Tổ dân phố số 01 và Tổ dân phố số 4 để thành lập Tổ dân phố mới	
2.2	Sáp nhập Tổ dân phố số 7 và Tổ dân phố số 8 để thành lập Tổ dân phố mới	
2.3	Sáp nhập Tổ dân phố số 5 và Tổ dân phố số 15 để thành lập Tổ dân phố mới	
2.4	Sáp nhập Tổ dân phố số 16 và Tổ dân phố số 21 để thành lập Tổ dân phố mới	
2.5	Sáp nhập Tổ dân phố số 9 và Tổ dân phố số 10 để thành lập Tổ dân phố mới	
2.6	Sáp nhập Tổ dân phố số 18 và Tổ dân phố số 19 để thành lập Tổ dân phố mới	
2.7	Sáp nhập Tổ dân phố số 22 và Tổ dân phố số 27 để thành lập Tổ dân phố mới	
2.8	Sáp nhập Tổ dân phố số 24 và Tổ dân phố số 25 để thành lập Tổ dân phố mới	
2.9	Sáp nhập Tổ dân phố Chin Chu Chải và Tổ dân phố San Thàng để thành lập bản mới	
2.10	Sáp nhập Tổ dân phố Tả Xin Chải và Tổ dân phố Xéo Xin Chải để thành lập bản mới	
2.11	Sáp nhập Tổ dân phố Thành Công và Tổ dân phố Lò Suối Tùng để thành lập bản mới	
2.12	Sáp nhập Tổ dân phố Phan Lin và Tổ dân phố Cặng Đẳng để thành lập bản mới	
2.13	Sáp nhập các Tổ dân phố Sáy San 1, Lao Tỷ Phùng để thành lập bản mới	
2.14	Sáp nhập các Tổ dân phố Sáy San 3, và Nùng Nàng để thành lập bản mới	
2.15	Sáp nhập Tổ dân phố Cốc Pa và Tổ dân phố Nà Bò để thành lập bản mới	
2.16	Sáp nhập Tổ dân phố Đoàn Kết và Tổ dân phố Bản Giang để thành lập bản mới	
2.17	Sáp nhập Tổ dân Tân Phú Nhiều và Tổ dân phố Nà Cơ để thành lập bản mới	
Sau khi sắp xếp, tỉnh Lai Châu còn lại 612 thôn, bản, tổ dân phố, giảm 344 thôn, bản, tổ dân phố		

Phụ lục 4**BIỂU CÁC CỤM DÂN CƯ CHƯA ĐƯỢC CÔNG NHẬN LÀ THÔN, BẢN, TỔ DÂN PHỐ**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

STT	Tên cụm dân cư	Quy mô dân số		Thôn, bản, tổ dân phố gần nhất		Phương án xử lý
		Số hộ	Thành phần dân tộc chủ yếu	Tên gọi	Khoảng cách (km)	
I	XÃ TÀ TÔNG					
1	Sinh Sí	55	Mông	Bản Giàng Ly Cha	16,7	Thành lập bản mới
2	Xé Ma	60	Mông	Bản Nậm Dính	9	Thành lập bản mới trên cơ sở toàn bộ 02 cụm dân cư
3	Phứ Ma	8	Mông	Bản Nậm Dính	12	
II	XÃ MÙ CẢ					
1	Lù Khò	29	Mông	Bản Phìn Khò	8	Thành lập bản mới trên cơ sở toàn bộ 03 cụm dân cư
2	Cu Ma Thấp	23	Mông	Bản Phìn Khò	8	
3	Cu Ma Cao	29	Mông	Bản Phìn Khò	14	
III	XÃ BUM TỎ					
1	Suối Voi	46	Mông	Bản Nậm Thú	11	Thành lập bản mới